

Quan hệ chính trị - ngoại giao Hàn Quốc - Trung Quốc (1992-2012)

Đoàn Minh Triết*

Trường Đại học Ngoại ngữ, Huế; NCS Trường Đại học Khoa học, Huế

Ngày nhận bài: 28/06/2020, ngày gửi phản biện: 30/06/2020, ngày duyệt đăng: 29/06/2020

Ngày 24/8/1992, quan hệ Hàn Quốc và Trung Quốc chính thức được khởi động trở lại với việc ký kết Thông cáo chung Bình thường hóa quan hệ. Sau hơn hai thập niên kể từ thời điểm lịch sử nói trên, quan hệ giữa hai nước không ngừng được duy trì, củng cố và phát triển trên nhiều lĩnh vực, trong đó có quan hệ chính trị - ngoại giao. Tuy nhiên, bên cạnh đó, quan hệ hai nước nảy sinh những vấn đề quan ngại cần phải giải quyết. Trên cơ sở phân tích những nhân tố tác động, tiến trình, thực trạng quan hệ chính trị - ngoại giao Hàn Quốc - Trung Quốc giai đoạn 1992-2012, bài viết xem xét đánh giá tác động nhiều chiều của mỗi quan hệ này.

Từ khóa: Bình thường hóa quan hệ, chính trị - ngoại giao, Hàn Quốc, thực trạng, Trung Quốc

Mở đầu

Sau Chiến tranh Lạnh, do tác động của nhiều nhân tố và vượt qua không ít trở ngại, thách thức, Hàn Quốc và Trung Quốc đã chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao vào tháng 8/1992. Trải qua 20 năm (1992-2012), quan hệ hai nước không ngừng được duy trì, củng cố trên nhiều lĩnh vực, trong đó có chính trị - ngoại giao và tác động không chỉ đối với bản thân Hàn Quốc, Trung Quốc mà còn tác động đến khu vực trên nhiều khía cạnh. Điều này góp phần phản ánh mối quan hệ phức tạp, đa dạng của khu vực trong bối cảnh mới.

1. Nhân tố tác động đến quan hệ chính trị - ngoại giao Hàn Quốc - Trung Quốc (1992-2012)

1.1. Bối cảnh quốc tế và khu vực châu Á - Thái Bình Dương

1.1.1. Bối cảnh quốc tế

Sau khi kết thúc Chiến tranh Lạnh và chấm dứt trật tự hai cực Yalta (1989-1991), cùng với sự tác động của các nhân tố khác, từ cuối thập niên 80, đầu thập niên 90, một trật tự đa trung tâm đang dần hình thành với những đặc điểm mới. Các nước lớn điều chỉnh theo chiều hướng xây dựng quan hệ bạn bè chiến lược ổn định

* trietdoanminh2010@gmail.com

và cân bằng hướng về lâu dài. Trật tự đa trung tâm trong tương lai “sẽ làm nổi bật tính đa dạng trong sự phát triển của thế giới, đa dạng về thể chế, chế độ chính trị, về loại hình cấu trúc xã hội, đa dạng về trình độ, cùng bậc phát triển, về hình thức liên kết khu vực hoặc đàng tách riêng” (Hoàng Văn Hiến, 2006, tr.176).

Từ đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, dưới tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ và xu thế toàn cầu hóa, sự hợp tác và phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế, chính trị giữa các quốc gia càng trở nên sâu sắc hơn bao giờ hết. Bên cạnh đó, ý thức độc lập, tự chủ, tự cường quốc gia và tự cường khu vực của các nước đang phát triển ngày càng trở dậy mạnh mẽ.

Trong bối cảnh quốc tế mới có nhiều biến chuyển to lớn, sâu sắc, toàn diện và cũng cực kỳ năng động, đa dạng, phức tạp, các quốc gia, vùng lãnh thổ đều phải có sự điều chỉnh chiến lược, chính sách để thích nghi.

1.1.2. Bối cảnh khu vực châu Á - Thái Bình Dương

Là một bộ phận quan trọng của thế giới, khu vực châu Á - Thái Bình Dương (CA - TBD), đặc biệt là Đông Á, chịu sự tác động sâu sắc của bối cảnh quốc tế mới nói trên. Mặc dù còn tồn tại một số di sản thời kỳ Chiến tranh Lạnh như vấn đề bán đảo Triều Tiên và Đài Loan, tính chưa ổn định trong quan hệ giữa các nước lớn... nhìn chung, xu thế hòa bình, ổn định và hợp tác phát triển ngày càng được khẳng định một cách mạnh mẽ. Bên cạnh đó, vai trò của các nước vừa và nhỏ cũng được tăng cường, góp phần quan trọng vào việc bảo vệ hòa bình và duy trì ổn định khu vực. Thực tế cho thấy, xu hướng hợp tác sau Chiến tranh Lạnh và sự tham gia tích cực vào các khối liên kết ở khu vực, tiến dần đến sự nhất thể hóa cao thông qua các văn bản, hiệp định ký kết và hiện thực hóa đã đem lại cho các quốc gia trong liên minh sự ổn định, hợp tác cùng phát triển.

Hàn Quốc và Trung Quốc cũng không nằm ngoài xu thế nói trên. Nhu cầu phát triển kinh tế, tình hình chính trị và quan hệ quốc tế của khu vực có những thay đổi tích cực nói trên là một trong những nhân tố tác động quan trọng đến việc hai quốc gia sớm thiết lập quan hệ ngoại giao.

1.1.3. Các nước lớn và chính sách đối ngoại mới ở khu vực

Nhân tố Mỹ

Tháng 10/1953, hai nước Mỹ - Hàn ký “Hiệp định phòng thủ chung”, chính thức hình thành một liên minh quân sự và Hàn Quốc nằm trong hệ thống đảm bảo an ninh của Mỹ ở khu vực Đông Á. Từ khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, mối quan hệ liên minh này có những va chạm khá lớn, tính chất quan hệ cũng chuyển dần từ quan hệ đồng minh quân sự sang quan hệ đối tác toàn diện, bình đẳng về chính trị, quân sự và kinh tế.

Ngày khuya lên năm quyền (1/1989), Chính quyền Geogre Bush (cha) đã chuyển dần trọng tâm chiến lược toàn cầu sang khu vực CA - TBD (bên cạnh việc vẫn coi trọng khu vực châu Âu) để duy trì địa vị siêu cường thế giới của Mỹ. Trong đó, Nhà Trắng coi CA - TBD là khu vực địa chiến lược, địa chính trị trọng yếu. Tổng thống George Walker Bush đã nhiều lần tuyên bố, đối với nước Mỹ hiện nay, không có khu vực nào quan trọng hơn là khu vực CA - TBD. Mỹ thực hiện chiến lược CA - TBD dựa trên ba trụ cột chính: an ninh, kinh tế và đối ngoại nhằm phát huy sức mạnh tổng thể để đạt mục tiêu của Mỹ ở khu vực. Ngay sau khi lên nắm quyền, Tổng thống Barack Obama đã đề ra chiến lược là xây dựng một “châu Á mở”, bao gồm tự do và công bằng thương mại, mở rộng sự thịnh vượng, du lịch mở, giải quyết mọi cách hòa bình các tranh chấp lãnh thổ và hàng hải, sự tham gia của một châu Á phát triển trong các tổ chức toàn cầu và những cơ chế mới để giải quyết tranh chấp phát sinh. Trong quá trình này, Mỹ cũng rất coi trọng, phát triển các hiệp

định thương mại tự do song phương và đa phương với các nước khu vực; tăng cường hiện diện quân sự, thúc ép các nước tiến hành cải cách theo ý đồ của Mỹ và phương Tây (Đình Công Tuấn, 2017, tr.152).

Có thể nói, với những điều chỉnh chiến lược trong chính sách “xoay trục” của Mỹ ở khu vực CA - TBD, cùng tiềm lực sẵn có, sự biến diện của Mỹ tại đây “*tác động mạnh mẽ đến quá trình hoạch định chính sách đối ngoại của Trung Quốc, nhất là trong bối cảnh chuyển tiếp thể hệ lãnh đạo mới của Trung Quốc*” (Phạm Văn Khải, 2016, tr.25-26), trong đó có sự điều chỉnh chiến lược trong mối quan hệ với Hàn Quốc.

Nhân tố Nhật Bản

Là cường quốc kinh tế, sau Chiến tranh Lạnh, Nhật Bản có những điều chỉnh chính sách để khẳng định vị trí chính trị, quân sự ở khu vực và trên trường quốc tế. Cùng với việc tiếp tục mở rộng ảnh hưởng ở khu vực, thông qua quan hệ hợp tác kinh tế với các thị trường Trung Quốc, ASEAN, về an ninh, Nhật Bản vẫn coi liên minh quân sự với Mỹ là nền tảng nhằm đối phó các mối đe dọa tiềm tàng, nhất là CHDCND Triều Tiên.

Về đối ngoại, việc Nhật Bản ủng hộ yêu cầu của Mỹ đòi EU tiếp tục lệnh cấm vận vũ khí đối với Trung Quốc, đưa Đài Loan vào phạm vi tác chiến của quân đội Nhật Bản, đã bị Trung Quốc phản đối quyết liệt (Đình Công Tuấn, 2017, tr.150-151). Đối với Hàn Quốc, trong nhiều thập niên qua, kể cả khi đã ký Hiệp định Bình thường hóa quan hệ (1965), giữa Nhật Bản và Hàn Quốc vẫn luôn tồn tại những bất đồng, chủ yếu xuất phát từ những vấn đề quá khứ. Nhận thức rõ điều đó, đầu thập niên 90, các nhà lãnh đạo hai nước đã có những động thái tích cực thông qua các kênh đối thoại cấp cao với mục đích tăng cường sự hiểu biết từ hai phía, cũng cố quan hệ hợp tác toàn diện và giải quyết các tranh chấp, xung đột qua đối thoại.

1.1.4. Nhân tố Triều Tiên

Ngay sau Chiến tranh Lạnh, Triều Tiên phải đối mặt với những khó khăn chồng chất từ trong ra ngoài, từ an ninh, chính trị đến kinh tế, xã hội. Để làm cánh cửa mở ra quan hệ với Mỹ, Triều Tiên đã thực hiện một chủ trương then chốt trong chiến lược ngoại giao: Chiến lược “Hạt nhân”. Mặt khác, việc nỗ lực thúc đẩy phục hồi quan hệ ba bên ở phương Bắc - Nga, Trung Quốc, Triều Tiên - cũng là một điểm mới trong chiến lược ngoại giao Đông Bắc Á của nước này. Ngoài ra, Triều Tiên cũng muốn thông qua chiến lược “*phát triển bình đẳng*” trong lĩnh vực kinh tế với Hàn Quốc để tìm kiếm cơ hội đối thoại, hòa giải nhằm thực hiện chính sách ngoại giao Đông Bắc Á (Phạm Văn Khải, 2016, tr.32).

Trong hai thập niên, quan hệ Trung - Triều trên thực tế đã xấu đi nhiều, nhất là từ khi Kim Jong-un nắm quyền (2012). Điều này khiến cho Trung Quốc phải tính toán lại chiến lược quốc gia trong quan hệ với hai miền bán đảo Triều Tiên. Về vấn đề này, Oriana Skylar Mastro, Đại học Georgetown (Mỹ) cho rằng: “*Quan hệ Trung - Triều xấu đến mức, nhiều sĩ quan thuộc Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc (PLA) cho biết Bắc Kinh và Bình Nhưỡng có thể sẽ không đình đám một chiến tuyến nếu xảy ra Chiến tranh Triều Tiên lần hai. Quân đội Trung Quốc có thể can thiệp, nhưng không phải là bảo vệ chế độ Bình Nhưỡng, mà là tạo lập một cục diện mới trên bán đảo Triều Tiên hậu Kim Jong-un theo hướng có lợi cho Bắc Kinh*” (Mastro, 2018).

1.2. Bối cảnh của Hàn Quốc và Trung Quốc

1.2.1. Hàn Quốc

(i) Chính sách ngoại giao phương Bắc

Trên cơ sở “*kế thừa nền tảng khá tốt đẹp từ thời Chun Doo Hwan*” (Phan Thị Anh Thư, 2017, tr.56), cuối thập niên 1980, Tổng thống Roh Tae-woo đã xác lập chính sách “*Ngoại giao phương Bắc*” với nội dung trọng Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á. Số 7 - 2020, tr.31-39

tâm là cải thiện quan hệ với các nước XHCN, trong đó có Trung Quốc, Liên Xô và khu vực Đông Âu (Roh Tae Woo, 1988, tr.627). Việc Trung Quốc nằm trong những toan tính chính trị của Hàn Quốc và ngược lại đã dẫn đến kết quả bình thường hóa quan hệ hai nước từ tháng 8/1992. Đối với Hàn Quốc, sự kiện này “*có lợi cho việc nới lỏng căng thẳng trên bán đảo Triều Tiên và cũng có lợi cho công cuộc kiến tạo hòa bình ở khu vực châu Á*” (Government Information, 1992, tr.321). Sau khi lên cầm quyền (1993), Tổng thống Kim Young-sam đã tiếp tục cải thiện quan hệ với Trung Quốc, thăm Bắc Kinh (3/1994) nhằm tìm hướng giải quyết hai vấn đề phi hạt nhân và thống nhất bán đảo Triều Tiên. Bước tiến quan trọng trong thời kỳ Kim Dae-jung nắm quyền (1998-2003) là đã nâng cấp quan hệ song phương lên tầm cao mới với Tuyên bố chung Hàn Quốc - Trung Quốc năm 1998. Thời Tổng thống Roh Moo-hyun (2003-2008), hai nước đã nâng cấp quan hệ song phương thành “*đối tác hợp tác toàn diện*” (2003). Đến thời Lee Myung-bak (2008-2013), tuy có những tuyên bố củng cố quan hệ đồng minh truyền thống với Mỹ nhưng ông vẫn thúc đẩy quan hệ Hàn - Trung phát triển và đã góp phần nâng cấp quan hệ song phương lên “*đối tác hợp tác chiến lược*” (2008).

(ii) Hàn Quốc trong chiến lược chính trị - ngoại giao của Trung Quốc

Là quốc gia láng giềng, Hàn Quốc giữ một vị trí trọng yếu trong chiến lược an ninh quốc gia và đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế Trung Quốc. Vị trí đó càng được củng cố, tăng cường trong bối cảnh Mỹ thực hiện chính sách “xoay trục” ở CA - TBD cùng với những tranh chấp lãnh thổ căng thẳng gần đây giữa Nhật Bản và Trung Quốc. Riêng về chính trị - ngoại giao, xác định việc tạo lập và duy trì môi trường láng giềng tốt đẹp là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, Trung Quốc rất coi trọng phát triển quan hệ với Hàn Quốc.

Trung Quốc theo đuổi việc tăng cường quan hệ với Hàn Quốc nhằm đảm trách vai trò “thủ lĩnh mới” ở CA - TBD và tách Mỹ ra khỏi các đồng minh ở đây. Mặt khác, sau sự kiện Thiên An Môn năm 1989, uy tín chính trị của Trung Quốc suy giảm nghiêm trọng, lại thêm việc bị Mỹ và phương Tây bao vây cấm vận kinh tế, do đó, Trung Quốc rất cần lập quan hệ với các nước để dần xóa bỏ thế bao vây cấm vận, khôi phục lại vị thế chính trị, trong đó Hàn Quốc là một đối tác quan trọng, từng bước làm thay đổi cán cân quyền lực giữa các trung tâm, các nước lớn và cục diện chính trị khu vực cũng như toàn cầu.

1.2.2. Trung Quốc

(i) Vai trò quan trọng và tầm ảnh hưởng mạnh mẽ về chính trị - ngoại giao

Bên cạnh thành tựu vượt bậc về kinh tế¹ và đầu tư², về chính trị - ngoại giao, Trung Quốc ngày càng đóng vai trò quan trọng trong hoạt động của các tổ chức hợp tác đa phương; cố gắng xây dựng hình ảnh nước lớn thân thiện, trung tâm kinh tế - chính trị ở châu Á, để từng bước mở rộng ảnh hưởng trên phạm vi toàn cầu.

Một kênh quan trọng mà Trung Quốc tận dụng tối đa để gia tăng “*sức mạnh mềm*” là việc tăng cường hoạt động ngoại giao nhân dân, giáo dục, trao đổi văn hóa, quảng bá các giá trị Trung Hoa ra thế giới. Chính phủ nước này kêu gọi cải cách trật tự quốc tế hiện nay nhằm giành được sự công bằng, dân chủ giữa các nước lớn, một sự thịnh vượng kinh tế chung và sự đa dạng về văn hóa, tư tưởng, giải quyết hòa bình các xung đột quốc tế (Wang Jian, 2011). Trong quá trình này, chính giới Trung Quốc rất chú trọng công tác truyền thông như một kênh phát ngôn ngoại giao, định hướng dư luận và quảng bá ra thế giới các giá trị quan, hình ảnh quốc tế của mình. Bên cạnh đó là những nỗ lực không ngừng trong việc phát triển mạng lưới giáo dục Hàn

¹ Năm 2010, GDP của Trung Quốc đạt 5.879 tỷ USD, vượt qua Nhật Bản, trở thành nền kinh tế lớn thứ hai trên thế giới (Chen Jie Gui, Li Yang, 2011, tr.47; Phạm Văn Khải, 2016, tr.35-36).

² Trung Quốc luôn nằm trong top những nước đầu tư ra nước ngoài lớn nhất thế giới

ngữ ở nước ngoài. Ngoài ra, làn sóng di cư và du lịch của người Trung Quốc trên khắp toàn cầu cũng góp phần làm tăng cường hình ảnh nước Trung Hoa mới.

Có thể khẳng định, Trung Quốc đang trở thành một cường quốc, làm thay đổi cán cân quyền lực trên bán cầu địa chính trị toàn cầu, trước hết là ở Đông Á theo hướng lấy Trung Quốc làm trung tâm. Nhưng mặt khác, nhiều nước cũng trở nên thận trọng hơn với Trung Quốc vì những mặt trái của sự hợp tác do nước này tạo ra.

(ii) Chính sách đối ngoại mới qua một số kỳ đại hội Đảng Cộng sản

Đại hội Đại biểu Toàn quốc Đảng Cộng sản (ĐCS) Trung Quốc lần thứ XIV (1992) đã xác định nhiều nội dung quan trọng của chính sách đối ngoại, trong đó có việc tích cực phát triển quan hệ đối ngoại, tranh thủ môi trường quốc tế thuận lợi để tiếp tục nỗ lực cải cách mở cửa và hiện đại hóa đất nước; không ngừng phát triển quan hệ hữu nghị láng giềng tốt đẹp với các nước xung quanh, tăng cường đoàn kết và hợp tác với các nước đang phát triển. Từ Đại hội XVI (2002), Thuyết Ba đại diện của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Giang Trạch Dân chính thức thay thế cho tư tưởng ngoại giao từ thời Đặng Tiểu Bình nhằm xây dựng “*Chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc*” trong giai đoạn mới. Báo cáo Chính trị tại Đại hội XVII (2007) nhấn mạnh lại tư tưởng trước sau như một bước theo con đường “*phát triển hòa bình*”, đặc biệt với các nước láng giềng, khu vực làm phương châm và chiến lược của ngoại giao Trung Quốc trong thời kỳ mới (Hồ Cẩm Đào, 2007).

Riêng đối với Hàn Quốc, chiến lược ngoại giao của Trung Quốc tập trung vào các điểm chính sau: Thi hành chính sách láng giềng thân thiện, tăng cường hợp tác kinh tế, chính trị, giao lưu văn hóa, khoa học, thúc đẩy kinh tế khu vực phát triển; Trung Quốc sẽ tăng cường hợp tác với Hàn Quốc trong vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên, tiến tới xây dựng các cơ chế hòa giải hai miền, đảm bảo an ninh khu vực Đông Bắc Á; không ngừng mở rộng ảnh hưởng, thông qua phát triển hợp tác kinh tế và chính trị để lôi kéo Hàn Quốc, làm suy giảm sự ảnh hưởng của Mỹ ở khu vực CA - TBD (Phạm Văn Khải, 2016, tr.50-51).

2. Tiến trình quan hệ chính trị - ngoại giao Hàn Quốc - Trung Quốc giai đoạn 1992-2012

Ngày 27/9/1992, Tổng thống Roh Tae-woo lần đầu tiên thăm chính thức Trung Quốc. Sau đó, hai bên ra Thông cáo chung nhấn mạnh “*phát triển quan hệ hữu nghị tốt đẹp giữa hai nước không chỉ phù hợp với lợi ích cơ bản của nhân dân hai nước, mà còn có lợi cho khu vực CA - TBD, góp phần vào sự hòa bình, ổn định và phát triển của thế giới*”. Tới tháng 7 và tháng 9/1993, lần lượt Hàn Quốc và Trung Quốc mở Tổng lãnh sự quán tại Busan và Thượng Hải. Tháng 11/1995, Chủ tịch Giang Trạch Dân thăm chính thức Hàn Quốc, tái xác nhận nguyên tắc giải quyết 4 bên về vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên.

Từ năm 1998-2002, Trung Quốc và Hàn Quốc chủ yếu phát triển mở rộng quan hệ thâm viếng cấp cao, tăng cường hợp tác trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao. Ngày 7/11/1998, Tổng thống Kim Dae-jung có chuyến thăm Trung Quốc. Tiếp đó, tháng 10/2000, Thủ tướng Chu Dung Cơ thăm Hàn Quốc và đưa ra đề nghị 4 điểm nhằm thúc đẩy hơn nữa quan hệ hợp tác toàn diện giữa hai nước trong thế kỷ XXI. Tháng 10/2001, Tổng thống Kim Dae-jung thăm Trung Quốc, hội đàm với Chủ tịch Giang Trạch Dân và hai bên đã nhất trí xây dựng quan hệ hợp tác toàn diện. Có thể thấy sau 10 năm kể từ thời điểm 1992, quan hệ Hàn - Trung nói chung và chính trị - ngoại giao nói riêng đã có sự phát triển vượt bậc, điều này do tác động của nhiều nhân tố từ kinh tế, an ninh, chính trị đến địa lý, lịch sử, văn hóa (TTXVN, 2003, tr.7; Nguyễn Thị Anh, 2014, tr.48).

Sau năm 2002, quan hệ chính trị - ngoại giao Hàn - Trung tiếp tục được tăng cường, mở rộng. Ngày 8/7/2003, Tổng thống Hàn Quốc Roh Moo-hyun thăm Trung Quốc, sau khi hội đàm, lãnh đạo hai nước đã ký Tuyên bố chung nâng tầm quan hệ hai nước lên thành “*Quan hệ đối tác hợp tác toàn diện*”.

Năm 2005, Thủ tướng Hàn Quốc Lee Hae-chan thăm Trung Quốc, hai bên đã đạt được nhiều nhận thức chung quan trọng. Đặc biệt, sự việc Tổng thống Roh Moo-hyun tuyên bố “*Không cho phép quân đội Mỹ lại dụng căn cứ ở Hàn Quốc để can dự vào cuộc chiến tranh ở vùng biển Đài Loan và Hàn Quốc không tham gia vào mục tiêu chiến lược chung bao vây Trung Quốc của Mỹ, Nhật Bản*” đã làm tăng thêm lòng tin của Bắc Kinh đối với Hàn Quốc. Xuất phát từ lợi ích quốc gia, Hàn Quốc đã “*xích lại với Trung Quốc*”, xây dựng chiến lược quốc gia dân tộc tự chủ. Tháng 11/2005, Chủ tịch Hồ Cẩm Đào có chuyến thăm Hàn Quốc, tái khẳng định tầm quan trọng của mối quan hệ hợp tác này, đồng thời đưa ra rất nhiều phương châm hợp tác cụ thể thúc đẩy phát triển quan hệ hai nước trên các lĩnh vực, nhất trí lập đường dây nóng cấp Ngoại trưởng.

Trong tình hình này, quan hệ hợp tác toàn diện Trung Quốc - Hàn Quốc có thể làm thay đổi cục diện của cả châu Á (TTXVN, 2005), mặc dù quan hệ hai nước đã trở nên căng thẳng trong các năm 2005-2006. Khi đó, liên quan đến lịch sử nước Bột Hải (Balhae) cổ đại của Hàn Quốc, hai nước bắt đầu cuộc “*tranh giành*” núi Bạch, tranh chấp đảo Tô Nham mà Hàn Quốc chiếm giữ từ năm 2002...

Sau những căng thẳng, hai bên có sự “*hạ nhiệt*”. Tháng 12/2007, Thủ tướng Han Deok-su thăm chính thức Trung Quốc nhân dịp năm giao lưu Trung - Hàn và kỷ niệm 15 năm hai bên thiết lập quan hệ ngoại giao. Thủ tướng Ôn Gia Bảo bày tỏ hy vọng các bên nghiêm túc thi hành các thỏa thuận đạt được tại hai cuộc đàm phán 6 bên trong năm 2007; Trung Quốc khẳng định: Nếu cả hai miền Bắc và Nam Triều Tiên phát triển quan hệ hữu nghị với Trung Quốc thì việc thống nhất bán đảo sẽ diễn ra nhanh hơn nhiều (Đỗ Tiến Sâm, 2012).

Năm 2008, Tổng thống Lee Myung-bak bày tỏ sự coi trọng quan hệ với Trung Quốc và tin tưởng rằng quan hệ hai bên sẽ có sự phát triển hơn nữa. Ông tuyên bố tiếp tục kiên trì chính sách “*một Trung Quốc*”, mong hai nước duy trì sự nhất trí trong quan hệ đối ngoại, tiếp tục tăng cường hợp tác trong mọi lĩnh vực.

Một điểm đáng lưu ý là từ khi phát triển quan hệ với Trung Quốc, quan điểm của Hàn Quốc bắt đầu cứng rắn hơn đối với vấn đề Đài Loan. Tháng 5/2008, Tổng thống Lee Myung-bak sang thăm Trung Quốc và hai bên đã thống nhất nâng quan hệ Trung Quốc - Hàn Quốc từ “*đối tác hợp tác toàn diện*” lên “*đối tác hợp tác chiến lược*”. Trong Tuyên bố chung, Tổng thống Hàn Quốc đã khẳng định quan điểm: Chính phủ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa là Chính phủ hợp pháp duy nhất và Hàn Quốc cam kết kiên trì chính sách “*một Trung Quốc*” (Ministry of Foreign Affairs, 2008). Sự việc này đánh dấu một mốc mới trong quan hệ hợp tác giữa hai nước cũng như trong chính sách ngoại giao của Hàn Quốc dù nước này đã nhất trí xây dựng quan hệ “*đồng minh chiến lược*” với Mỹ và “*đối tác chín mối*” với Nhật Bản.

Tháng 12/2008 tại cuộc gặp song phương bên lề Hội nghị cấp cao Trung - Nhật - Hàn ở Nhật Bản, Thủ tướng Ôn Gia Bảo đánh giá 2008 là năm đạt được nhiều tiến triển quan trọng trong quan hệ hai nước Trung - Hàn, hai bên đã xây dựng quan hệ đối tác hợp tác chiến lược, xác định rõ khung và phương hướng hợp tác trên các lĩnh vực. Đối với Trung Quốc, việc họ chấp thuận nâng quan hệ với Hàn Quốc cũng được đánh giá là một liệu pháp mang tính cạnh tranh với Mỹ (Ngô Minh Thanh, 2010, tr.4; Nguyễn Thị Anh, 2014, tr.55).

Ngày 27/6/2010, trong cuộc gặp Chủ tịch Hồ Cẩm Đào tại Hội nghị Thượng đỉnh G20 lần thứ IV tại Toronto (Canada), Tổng thống Lee Myung-bak tái khẳng định: “*Hàn Quốc đặc biệt coi trọng mối quan hệ đối*

tác hợp tác chiến lược với Trung Quốc và sẵn sàng tăng cường hợp tác hữu nghị với Trung Quốc trên cơ sở quan hệ đối tác chiến lược đồ" (Ministry of Foreign, 2010; Phan Thị Anh Thư, 2017, tr.64).

Tháng 4/2011, Thủ tướng Chung Won-shik thăm chính thức Trung Quốc. Ngoài những trao đổi về hợp tác kinh tế - tài chính, khoa học và công nghệ, hai bên đã nhất trí tăng cường hợp tác trong lĩnh vực an toàn hạt nhân; phía Hàn Quốc đề nghị Bắc Kinh đóng "vai trò xây dựng" trong nỗ lực thuyết phục CHDCND Triều Tiên trở lại bàn đàm phán. Thủ tướng Ôn Gia Bảo khẳng định Bắc Kinh ủng hộ đối thoại Liên Triều.

Tháng 1/2012, Tổng thống Lee Myung-bak đã thực hiện chuyến thăm Trung Quốc lần thứ hai. Ông nhấn mạnh 2012 là năm đặc biệt trong quan hệ song phương và hai nước đã ghi nhận những tiến bộ vượt bậc trên tất cả các lĩnh vực. Hai nhà lãnh đạo đã thảo luận cách thức nâng cấp mối quan hệ đối tác hợp tác chiến lược vì lợi ích, hòa bình và ổn định trên bán đảo Triều Tiên. Ngoài vấn đề kinh tế, hai bên thảo luận và theo dõi sát diễn biến về quá trình chuyển giao quyền lực ở CHDCND Triều Tiên sau cái chết của Kim Jong-il. Hàn Quốc kêu gọi đối thoại khu vực để nối lại vòng đàm phán 6 bên về chương trình hạt nhân của CHDCND Triều Tiên và mong muốn Trung Quốc tiếp tục đóng vai trò tích cực trong vấn đề này. Ngoài ra, tình hình đánh bắt cá và quan hệ căng thẳng giữa hai nước ở biển Hoàng Hải cũng có hướng giải quyết tích cực. Chuyến thăm Trung Quốc lần này của Lee Myung-bak đã được Trung Quốc đánh giá rất cao (Nguyễn Thị Anh, 2014, tr.57).

Bên cạnh việc phát triển tốt đẹp các chuyến thăm cấp cao, Trung Quốc còn luôn cố gắng thúc đẩy xây dựng mối quan hệ chính trị với Hàn Quốc trên các diễn đàn đa phương (Hợp tác Trung - Hàn - Nhật, ASEAN +3, Hội nghị thượng đỉnh Đông Á, Diễn đàn khu vực ASEAN, Hội nghị thượng đỉnh Á - Âu, APEC...).

3. Nhận xét về quan hệ chính trị - ngoại giao Hàn Quốc - Trung Quốc (1992-2012)

3.1. Những đặc điểm nổi bật

Thứ nhất, Trung Quốc và Hàn Quốc có nhiều khác biệt về chế độ chính trị - xã hội và lịch sử phát triển quốc gia trong giai đoạn Chiến tranh Lạnh. Mối quan hệ chính trị - ngoại giao giữa hai nước thường xuyên bị tác động từ nhiều nhân tố bên trong và bên ngoài.

Thứ hai, từ chỗ là đối thủ trong Chiến tranh Triều Tiên, hai nước đã "gác lại quá khứ", thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức để rồi phát triển mối quan hệ từ "đối tác hữu nghị và hợp tác" (1992), "đối tác hợp tác trong thế kỷ XXI" (1998) đến "đối tác hợp tác toàn diện" (2003) và "đối tác hợp tác chiến lược" (2008). Nhìn từ phía Hàn Quốc, việc phát triển quan hệ với Trung Quốc cho thấy "mong muốn cân bằng quan hệ khu vực của Hàn Quốc nhằm thoát khỏi chính sách áp đặt của Mỹ và mối ràng buộc an ninh với Nhật Bản".

Thứ ba, đây là quan hệ giữa một "cường quốc bậc trung đang lên" đang tìm kiếm vai trò chính trị tương xứng với vị trí kinh tế (nước phát triển) với một "cường quốc toàn cầu đang nổi lên" đang có tham vọng trở thành cực quyền lực chi phối cục diện chính trị toàn cầu; trong đó nền kinh tế hai nước có sự giao thoa rất lớn, quan hệ song phương đa lĩnh vực và mối quan hệ cũng dễ bị tổn thương bởi các bên thứ ba (Min Ye, 2017).

Thứ tư, quan hệ chính trị - ngoại giao Hàn - Trung chịu tác động của các mối quan hệ kinh tế, an ninh - quốc phòng, văn hóa, xã hội và tác động trở lại đối với các lĩnh vực này. Chẳng hạn, từ khi ký kết "Hiệp định hợp tác văn hóa Hàn Quốc - Trung Quốc" (1994), "Tuyên bố chung Hàn Quốc - Trung Quốc" (2008), âm nhạc, điện ảnh, trò chơi trực tuyến, chương trình phát thanh - truyền hình Hàn Quốc xuất hiện rộng rãi ở Trung Quốc, trở thành sản phẩm xuất khẩu quan trọng của văn hóa xứ Hàn (Phan Thị Anh Thư, 2017, tr.235).

Thứ năm, quan hệ chính trị - ngoại giao Hàn - Trung chịu sự chi phối rõ nét của chủ nghĩa dân tộc cùng như đầu ầu cá nhân (chính sách đối ngoại) của các vị nguyên thủ hai nước.

Thứ sáu, quan hệ chính trị - ngoại giao hai nước chịu sự chi phối mạnh mẽ của các nước lớn. đặc biệt là Mỹ, Nhật Bản, cũng như của Triều Tiên. Chẳng hạn, sau khi thăm Trung Quốc và hai bên ra Tuyên bố chung (2003), Roh Moo- hyun đã bị Geogre W. Bush (con) đối xử lạnh nhạt trong chuyến thăm Mỹ sau đó. Mặt khác, mối quan hệ này còn chịu sự tác động của cơ chế hợp tác đa phương (ASEAN +3, ASEAN +1, EAS...).

Thứ bảy, quan hệ chính trị - ngoại giao hai nước đã có tác động đến bản thân mỗi nước cũng như khu vực Đông Á, trong đó có Việt Nam.

3.2. Tác động của quan hệ chính trị - ngoại giao Hàn Quốc - Trung Quốc

Ngoại tác đồng đối với khu vực Đông Á, sự phát triển về chính trị - ngoại giao trong quan hệ Hàn Quốc - Trung Quốc đã đem lại lợi ích cho bản thân mỗi nước bên cạnh những vấn đề quan ngại cần giải quyết.

Đối với Hàn Quốc, nước này đã thiết lập quan hệ ngoại giao với một cường quốc mới nổi trong khu vực, một thành viên thường trực còn lại (cuối cùng) của Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc. Điều đó cho thấy, Hàn Quốc “*đã có được sự thừa nhận đầy đủ về mặt pháp lý đối với sự tồn tại của mình trên thế giới. Đây chính là cơ sở vô cùng quan trọng để Hàn Quốc tiến hành xây dựng, phát triển đất nước và từng bước tiến tới thống nhất hai miền Nam - Bắc Triều Tiên*” (Nguyễn Thị Anh, 2014, tr.104). Tuy nhiên, một thách thức không nhỏ đặt ra cho Hàn Quốc là phải giải quyết bài toán cân bằng quan hệ giữa hai nước lớn là Mỹ và Trung Quốc, bởi lẽ Trung Quốc vẫn chưa thể so sánh với Mỹ trên nhiều phương diện. Sự sa đà vào mối quan hệ gần gũi với Trung Quốc để rơi vào cái gọi là “*giấc mộng Trung Hoa*” sẽ khiến cho quan hệ Hàn - Mỹ, Hàn - Nhật vượt qua một cây cầu không bao giờ trở lại được (Phạm Văn Khải, 2016, tr.69).

Đối với Trung Quốc, những nỗ lực cải thiện, tăng cường hợp tác và phát triển quan hệ với Hàn Quốc nói chung và quan hệ chính trị - ngoại giao nói riêng đã đem lại những kết quả quan trọng, đóng góp tích cực vào sự trở dậy mạnh mẽ của quốc gia này. Bình thường hóa quan hệ với Hàn Quốc, Trung Quốc đã thiết lập quan hệ ngoại giao với tất cả các nước ở Đông Bắc Á, qua đó từng bước xác lập vai trò, ảnh hưởng tại khu vực chiến lược quan trọng này và tỏ ra không hề thua kém bất cứ cường quốc nào, kể cả Mỹ. Bên cạnh đó, mối quan hệ này cũng đặt ra cho Trung Quốc một số thách thức, khó khăn phải giải quyết như vấn đề bất đồng quan điểm liên quan đến sách giáo khoa, xung đột chủ quyền lãnh hải, sự nghi ngại về tham vọng của Trung Quốc từ một bộ phận người dân Hàn Quốc, cạnh tranh với Mỹ trong việc thúc đẩy quan hệ với Hàn Quốc...

Kết luận

Sự kiện Hàn Quốc và Trung Quốc ký kết Thông cáo chung Bình thường hóa quan hệ năm 1992 là kết quả của một quá trình chuẩn bị tích cực của cả hai nước và chịu sự tác động của những nhân tố quan trọng bên ngoài. Trải qua 20 năm, mối quan hệ này phát triển theo chiều hướng tốt đẹp và thu được nhiều thành quả trên hầu hết các lĩnh vực hợp tác, trong đó có chính trị - ngoại giao cho dù vẫn còn những tồn tại, khác biệt.

Sự phát triển về chính trị - ngoại giao trong quan hệ Hàn Quốc - Trung Quốc đem lại lợi ích cho cả hai bên. đồng thời cũng đặt ra những vấn đề quan ngại cần giải quyết. Đối với khu vực, sự gia tăng và phát triển quan hệ Hàn - Trung đã và đang góp phần quan trọng vào việc duy trì môi trường hòa bình, ổn định và phát triển của khu vực, nhưng đồng thời cũng có thể tạo ra nguy cơ gây chia rẽ, xung đột khi có sự cạnh tranh

chiến lược giữa các nước lớn, đặc biệt là giữa Mỹ và Trung Quốc. Đây là điều mà các quốc gia trong khu vực, trong đó có Việt Nam, cần phải tính đến để tận dụng tốt nhất thời cơ, vận hội từ mối quan hệ này.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Anh (2014), *Quan hệ Trung Quốc - Hàn Quốc từ 1992 đến 2013*, Luận văn Thạc sĩ Sử học, Trường Đại học Vinh, Nghệ An.
2. Báo cáo do Tổng Bí thư Hồ Cẩm Đào trình bày tại Đại hội XVII Đảng Cộng sản Trung Quốc, ngày 15/10/2007, <http://vietnamsoci.cri.cn/85/2007/11/09/1@92962.htm>, ngày truy cập 29/6/2020.
3. Minh Cẩm (2010), "Sự phát triển mạnh mẽ của truyền thông Trung Quốc", Nội san *Thông tấn*, Số 1+2/2010, <https://dhn.ttxvn.org.vn/tintuc/su-phat-trien-manh-me-cua-truyen-thong-trung-quoc-2991>, ngày truy cập 29/6/2020.
4. Government Information Agency of Republic of Korea (1992), *The White Book for State Affairs*. Seoul, GIA.
5. Chen Jie Gui, Li Yang (2011), *Phân tích tiền cảnh kinh tế Trung Quốc*, Báo cáo mùa Xuân năm 2011, Nxb. Văn hiến Khoa học Xã hội, Bắc Kinh.
6. Hoàng Văn Hiến (Chủ biên) (2004), *Lịch sử quan hệ quốc tế 1945-1995*. Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng.
7. Phạm Văn Khải (2016), *Quan hệ của Trung Quốc với Hàn Quốc (1992-2012)*. Luận văn Thạc sĩ Quốc tế học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
8. Mastro, Oriana Skylar (2018), *Tai sao Trung Quốc sẽ không cứu Triều Tiên*, Văn Cường giới thiệu, <http://ngluencuubiendong.vn/nguyen-cuu-dong-bac-a/6799-tai-sao-trung-quoc-se-khong-cuu-trieu-tien>, ngày truy cập 29/6/2020.
9. Ministry of Foreign Affairs of the People's Republic of China (2008), *China-ROK Joint Communiqué*. https://www.fmprc.gov.cn/mfa_eng/wjdt_665385/2649_665393/t513632.shtml, ngày truy cập 29/6/2020.
10. Ministry of Foreign Affairs of the People's Republic of China (2010), *Hu Jintao meets with ROK President Lee Myung Bak*, https://www.fmprc.gov.cn/mfa_eng/topics_665678/hujintaoG20di5c1fenghuihAPEC18cihuiyi_665776/4769057.shtml, ngày truy cập 29/6/2020.
11. Đỗ Tiến Sâm, M.L. Titarenko (Chủ biên) (2012), *Trung Quốc những năm đầu thế kỷ XXI*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
12. Ngô Minh Thanh (2010), "Sự điều chỉnh chính sách của Hàn Quốc trong quan hệ với Trung Quốc và CHDCND Triều Tiên", Tạp chí *Những vấn đề kinh tế thế giới*, số 10, tr.3-7.
13. Phan Thị Anh Thu (2017), *Giải mã chính sách của Hàn Quốc đối với Đông Bắc Á từ sau Chiến tranh Lạnh đến đầu thế kỷ XXI*, Nxb. Đại học Quốc gia, Thành phố Hồ Chí Minh.
14. TTXVN (2003), *Trung Quốc và Hàn Quốc xây dựng quan hệ đối tác toàn diện*, Tin thế giới ngày 9/7.
15. TTXVN (2003), *Mười năm quan hệ Trung - Hàn*, Tin tham khảo Chủ nhật ngày 8/6.
16. TTXVN (2005), *Hợp tác toàn diện Trung - Hàn làm thay đổi cục diện châu Á*, Tin thế giới ngày 27/6.
17. Đinh Công Tuấn (2017), "Những thay đổi trong chiến lược 'Xoay trục Châu Á - Thái Bình Dương' của Mỹ trong thời gian tới và cách ứng phó của Việt Nam", Tạp chí *Nghiên cứu Quốc tế*. Học viện Ngoại giao, Số 1 (108), tr.145-166.
18. Wang Jian (2011), *Soft Power in China: Public Diplomacy through Communication*, Hongying Wang, Chapter 3: "China's Image Projection and Its Impact", Basingstoke: Palgrave Macmillan.
19. Roh Tae Woo (1988), *Special Declaration on National Self-esteem, Unification and Prosperity*, (The July 7th Declaration) Korea and World Affairs, Vol.12, No.3, Fall, pp.627-630.
20. Min Ye (2017), *China-South Korea Relations in the New Era - Challenges and Opportunities*. Published by Lexington Books, USA.